

Số: 134 /BC-BCĐ

Bắc Giang, ngày 13 tháng 9 năm 2019

## BÁO CÁO

### Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; định hướng giai đoạn sau năm 2020

Bắc Giang là tỉnh trung du miền núi thuộc vùng Đông Bắc, là cửa ngõ giữa vùng Trung du miền núi phía Bắc với vùng Đồng bằng sông Hồng; tỉnh Bắc Giang có diện tích tự nhiên 3.895,6 km<sup>2</sup>, có 09 huyện và 01 thành phố, dân số gần 1,8 triệu người, với 37 thành phần dân tộc, có 80% dân số sống ở khu vực nông thôn, với 203 xã triển khai xây dựng nông thôn mới, trong đó có 42 xã thuộc huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn. Khi bắt đầu triển khai xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang có thuận lợi là 1 trong 11 địa phương được Ban Bí thư chỉ đạo làm điểm, tuy nhiên xuất phát điểm của các xã đạt thấp, số tiêu chí bình quân mới đạt 7,2 tiêu chí, có 01 xã đạt trên 14 tiêu chí và có đến 175 xã đạt dưới 10 tiêu chí... Sau 10 năm triển khai thực hiện với sự tập trung chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, cùng với việc ban hành cơ chế chính sách đúng tâm tư nguyện vọng của người dân nên đã huy động sự tham gia hưởng ứng tích cực của người dân, kết quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (gọi tắt là Chương trình) trên địa bàn tỉnh đạt khá toàn diện, hoàn thành mục tiêu đến năm 2020 trước 2 năm, tỉnh Bắc Giang đứng top đầu khu vực miền núi phía Bắc, cụ thể trên các lĩnh vực:

### Phần thứ nhất

#### KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2010-2019

#### I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

##### 1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015 và giai đoạn 2016-2020

- Giai đoạn 2010-2015: Nhận thức được tầm quan trọng của Chương trình đối với khu vực nông thôn, tỉnh đã tập trung thực hiện có hiệu quả công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình. Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 145-NQ/TU ngày 14/7/2011 về nông thôn mới tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 thể hiện sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền đối với khu vực nông thôn, nông nghiệp và nông dân, UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết và kế hoạch 5 năm, hàng năm thực hiện Chương trình, phát động phong trào "*Bắc Giang chung sức xây dựng nông thôn mới*"; các huyện, thành phố cũng đã ban hành Nghị quyết, xây dựng và triển khai thực hiện nhiều chính sách, kế hoạch và phát động phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới của địa phương

để thực hiện Nghị quyết. Giai đoạn 2010-2015, tỉnh lựa chọn 40 xã chỉ đạo điem để hoàn thành mục tiêu đến năm 2015 có 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; Bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình ở cả ba cấp (tỉnh, huyện, xã) sớm được thành lập với quy chế hoạt động rõ ràng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên theo chức năng nhiệm vụ và địa bàn phụ trách, 100% thôn, bản có Ban phát triển thôn; Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp tỉnh và cơ quan tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp được thành lập và dần hoàn thiện đã góp phần thực hiện Chương trình đạt hiệu quả hơn.

Để đánh giá thực chất, khách quan kết quả đạt được sau 05 năm thực hiện Chương trình, tỉnh đã tổ chức tổng kết giai đoạn 2010-2015, bên cạnh những kết quả đạt được, tỉnh xác định đây là một Chương trình mới, vừa làm, vừa rút kinh nghiệm nên trong công tác lãnh đạo chỉ đạo còn hạn chế, nặng về xây dựng cơ sở hạ tầng, chưa quan tâm nhiều đến phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập và chất lượng đời sống vật chất, tinh thần người dân, nhận thức của đội ngũ cán bộ, nhân dân về xây dựng nông thôn mới chưa đầy đủ, lúng túng trong quá trình tổ chức thực hiện, vẫn còn tư tưởng trông chờ vào nhà nước; đội ngũ giúp việc cho Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới các cấp còn thiếu, hầu hết là kiêm nhiệm nên hiệu quả công việc chưa cao....

- Giai đoạn 2016-2020: Trên cơ sở tổng kết giai đoạn trước, từ tỉnh đến cơ sở đã có sự tập trung hơn đối với Chương trình; công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên hơn, quy định họp giao ban nông thôn mới theo tháng, huyện Việt Yên, Lạng Giang trong năm phân đấu đạt chuẩn, Huyện ủy định kỳ hàng tuần nghe tiến độ thực hiện Chương trình. UBND tỉnh tiếp tục phát động phong trào thi đua "*Bắc Giang chung sức xây dựng nông thôn mới*"; chỉ đạo tất cả các xã triển khai xây dựng nông thôn mới, giao cụ thể số xã đạt chuẩn và số tiêu chí bình quân tăng thêm hàng năm; các huyện, thành phố chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện, đưa nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm; thực hiện kiện toàn Ban Chỉ đạo các cấp (tỉnh, huyện, xã), đồng thời thực hiện kiện toàn và thành lập bộ máy tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp (tỉnh, huyện) theo hướng chuyên trách, chuyên nghiệp; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ xây dựng nông thôn mới qua đó công tác tham mưu, đề xuất giải quyết các vấn đề vướng mắc được kịp thời, hiệu quả hơn, đóng góp vào thành công của Chương trình.

Quan điểm chỉ đạo từ tỉnh đến cơ sở đã thay đổi mạnh mẽ, theo hướng chú trọng nâng cao chất lượng của Chương trình, trước đây chủ yếu tập trung đầu tư vào xây dựng các công trình lớn của xã, thì trong giai đoạn này đã chuyển sang chỉ đạo thực hiện các nội dung trọng tâm, tác động trực tiếp đến đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân và nâng cao chất lượng Chương trình như: Cứng hóa đường giao thông thôn, xóm; phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm; triển khai thôn nông thôn mới kiểu mẫu, xã nông thôn mới nâng cao tại các xã đã đạt chuẩn; nhân rộng mô hình tuyến đường hoa, cây xanh tạo cảnh quan xanh - sạch - đẹp... Đội ngũ lãnh đạo chủ chốt các địa phương đã

quan tâm vào cuộc mạnh mẽ, tâm huyết hơn trong thực hiện Chương trình; thực hiện luân chuyển cán bộ từ cấp huyện về đảm nhiệm vị trí chủ chốt ở các xã (huyện Việt Yên, Lạng Giang, Hiệp Hòa), do đó nhiều nơi đã có tư duy, cách làm mới, huy động nguồn lực lớn và đa dạng cho xây dựng nông thôn mới. Những kết quả đó đã tạo nên sự chuyển biến lớn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh từ năm 2017 đến nay.

## **2. Ban hành cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình**

- Giai đoạn 2010-2015: Căn cứ hệ thống cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình của Trung ương, tỉnh cũng đã ban hành các văn bản để tổ chức thực hiện đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế như: Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh quản lý cho từng hạng mục công trình; bố trí ngân sách tỉnh tập trung hỗ trợ 40 xã điểm; khen thưởng xã đạt chuẩn; hỗ trợ dồn điền, đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu; ban hành các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển sản xuất; chính sách hỗ trợ xây dựng trường Mầm non; thực hiện lồng ghép các chính sách để hỗ trợ các xã; triển khai thực hiện thôn nông thôn mới; các Sở, ban, ngành căn cứ nhiệm vụ đã chủ động ban hành văn bản hướng dẫn các xã thực hiện...

- Giai đoạn 2016-2020: Tỉnh tiếp tục cụ thể hóa các văn bản của Trung ương như: Tiêu chí xã nông thôn mới<sup>(1)</sup>, xã nông thôn mới nâng cao<sup>(2)</sup>, thôn nông thôn mới kiểu mẫu<sup>(3)</sup>, huyện nông thôn mới<sup>(4)</sup>, phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị... Đồng thời, từ kinh nghiệm triển khai, tỉnh đã chủ động ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù, có tính chất đột phá hỗ trợ địa phương triển khai thực hiện, khắc phục các hạn chế của giai đoạn trước như: Tỉnh không quy định mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh quản lý cho các hạng mục công trình, giao quyền chủ động cho các địa phương trong sử dụng, phân bổ nguồn vốn, từ đó đã khắc phục khó khăn trong huy động, sử dụng nguồn vốn và hoàn thành xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản; ban hành văn bản thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù và quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện, qua đó trên 95% công trình khởi công mới dưới 3 tỷ đồng đều giao cho cộng đồng thực hiện (giai đoạn 2010-2015 khoảng 15-20%); chính sách cứng hóa đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn (ngân sách tỉnh hỗ trợ xi măng, ngân sách huyện hỗ trợ chi phí vận chuyển đến công trình), đã trở thành phong trào sôi nổi, rộng khắp tại các xã (từ năm 2017-dự kiến hết năm 2019 toàn tỉnh thực hiện trên 4.000km); chính sách xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao rau, hoa sản xuất trong nhà màng, nhà lưới (quy mô 2.000m<sup>2</sup> trở lên); chính sách hỗ trợ Hợp tác xã nông nghiệp; hỗ trợ công trình vệ sinh trường lớp học; Đề án sản xuất rau, thủy sản theo hướng VietGap; triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm....

- Căn cứ chính sách của tỉnh, các huyện, thành phố đã tích cực triển khai và chủ động ban hành chính sách hỗ trợ xã giao đạt chuẩn (từ 1-3 tỷ đồng/xã) và thưởng cho thôn, xã đạt chuẩn nông thôn mới (từ 10-100 triệu đồng/thôn, xã);

<sup>1</sup> Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh về Bộ tiêu chí xã nông thôn mới

<sup>2</sup> Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 9/8/2018 của UBND tỉnh về Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

<sup>3</sup> Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh về Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu

<sup>4</sup> Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh về Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới

một số địa phương đã sáng tạo trong tổ chức thực hiện tạo tiền đề nhân rộng trên địa bàn tỉnh như: huyện Việt Yên, Lạng Giang với chính sách hỗ trợ xi măng làm đường giao thông; huyện Hiệp Hòa triển khai xây dựng nông thôn mới từ cấp thôn với phương châm “*Từ đồng về nhà, từ nhà ra thôn, từ thôn lên xã*”; huyện Tân Yên triển khai xây dựng nông thôn mới tại tất cả các xã (không lựa chọn xã điểm); huyện Yên Dũng triển khai dồn điền, đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu... Cơ chế chính sách và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình được các cấp, ngành, địa phương ban hành cụ thể, đầy đủ, kịp thời, phù hợp với điều kiện của địa phương đã tạo nguồn lực, có tác động tốt để các địa phương tổ chức thực hiện.

### **3. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức được tập trung cao, thực hiện thường xuyên, đa dạng các hình thức và đổi mới về nội dung, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, qua đó nhận thức của cấp ủy, chính quyền và người dân được nâng cao, người dân tích cực vào cuộc**

- Công tác tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới đã được các địa phương chú trọng với những đổi mới về phương pháp, cách thức nhằm tạo chuyển biến về nhận thức và hành động của cán bộ, người dân về xây dựng nông thôn mới như: Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách, cách làm hay, mô hình hiệu quả thông qua xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, bản tin, phóng sự trên các phương tiện thông tin đại chúng (10 năm đã phát trên 6.500 tin, bài, chuyên trang, chuyên mục); phối hợp với báo, đài Trung ương (VTV1, VTV2, VTC16, Báo Nhân dân, Đài Tiếng nói Việt Nam) để quảng bá hình ảnh nông thôn Bắc Giang đến cả nước; phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức tuyên truyền đến hội viên, đoàn viên về xây dựng nông thôn mới; kịp thời biểu dương các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong xây dựng nông thôn mới; sáng tác ca khúc về nông thôn mới Bắc Giang; cấp phát 2.500 pano, 33.000 tờ gấp, tờ rơi, 1.150 cuốn hệ thống văn bản, 1.000 đĩa tuyên truyền cho các địa phương; sáng tạo tổ chức các cuộc thi để khích lệ cán bộ và nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới tích cực hơn (Giải thưởng môi trường tỉnh; huyện Hiệp Hòa tổ chức cuộc thi “*Tuyến đường hoa đẹp, góp phần bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới*”; huyện Lạng Giang phát động cuộc thi ảnh về những hoạt động đẹp bảo vệ môi trường, nhà đẹp, khu dân cư đẹp; huyện Lục Ngạn thi đoạn đường điểm “*Ngày ngày sạch, giờ giờ sạch*”...); sáng tạo trong hình thức vận động tuyên truyền “*Lấy người dân tuyên truyền vận động người dân; lấy thôn điển hình để tuyên truyền vận động các thôn khác*”...

- Hưởng ứng phong trào thi đua “*Bắc Giang chung sức xây dựng nông thôn mới*” và cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” các Sở, ban, ngành, hội đoàn thể và địa phương đã lựa chọn các phần việc gắn với xây dựng nông thôn mới như: Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh nhận đỡ đầu, giúp đỡ các xã phấn đấu đạt chuẩn; UB MTTQ tỉnh với mô hình “*Khu dân cư tự quản bảo vệ môi trường*”; Hội Phụ nữ tỉnh vận động hội viên thực hiện 11/19 tiêu chí trong cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*”, thu gom rác thải tái chế bán phế liệu lấy tiền tiết kiệm giúp phụ nữ nghèo và bảo vệ

môi trường; Đoàn Thanh niên với phong trào “Tuổi trẻ Bắc Giang chung sức xây dựng nông thôn mới”, đảm nhận các tuyến đường tự quản và thấp sáng đường quê; Hội Cựu chiến binh với phong trào “Cựu chiến binh gương mẫu chung sức xây dựng nông thôn mới” và “Cựu chiến binh góp ximăng xây dựng nông thôn mới”; Ban Dân vận với mô hình “Dân vận khéo” tham gia xây dựng nông thôn mới; Hội Nông dân với mô hình “Sạch từ nhà ra ngõ, sạch từ ngõ vào nhà”, nhận ủy thác với Ngân hàng Chính sách xã hội cho hội viên vay vốn phát triển kinh tế... đã tạo khí thế thi đua sôi nổi, rộng khắp ở các địa phương.

- Thông qua công tác tuyên truyền vận động, đã làm chuyển biến rõ nét về nhận thức, tư duy của người dân và cán bộ về xây dựng nông thôn mới, người dân đã nhận thức rõ hơn vai trò chủ thể của mình, từ đó chủ động tham gia thực hiện Chương trình (sau 10 năm đã có gần 50.000 hộ tham gia hiến trên 334ha đất các loại, trên 610.000 ngày công lao động, phá dỡ trên 214.000m<sup>2</sup> tường rào) để xây dựng công trình công cộng, điển hình như huyện Tân Yên, Lục Ngạn, Lạng Giang. Nhiều điển hình tiêu biểu như: Gia đình Bà Nguyễn Thị Chỉ (xã Tự Lạn) ủng hộ 3,35 tỷ đồng và vận động Ngân hàng Nông nghiệp xây dựng trường học trị giá 6 tỷ đồng; Ông Ngô Quốc Hội (xã Mai Trung) ủng hộ 19,86 tỷ đồng xây dựng trường học, công trình công cộng; gia đình Ông Hoàng Văn Châu (xã Xuân Lương) hiến 2.000m<sup>2</sup> đất mở rộng trường Mầm Non và đường giao thông; gia đình Ông Lê Minh Tuấn (xã Đông Hưng) hiến 6.500m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp và đóng góp trên 2 tỷ đồng làm công trình công cộng;... qua đó tạo sự chuyển biến mạnh mẽ phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn.

#### **4. Kết quả huy động nguồn lực thực hiện Chương trình giai đoạn 2010-2019 đạt cao; cơ bản đã hoàn thành xử lý nợ xây dựng cơ bản**

a) Giai đoạn 2010-2015: Tỉnh đã huy động được 4.162,2 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 375,039 tỷ đồng (chiếm 9,01%).

- Đối ứng từ ngân sách địa phương: 1.343,5 tỷ đồng (chiếm 32,28%).

- Lòng ghép từ các chương trình, dự án khác: 1.371,1 tỷ đồng (chiếm 32,94%).

- Nguồn vốn huy động từ doanh nghiệp và nguồn vốn khác: 150,9 tỷ đồng (chiếm 3,63%).

- Cộng đồng dân cư đối ứng kinh phí thực hiện: 921,6 tỷ đồng (chiếm 22,14%).

Ngoài ra, huy động nguồn vốn tín dụng phục vụ nông nghiệp nông thôn trên 3.000 tỷ đồng

b) Giai đoạn 2016-2019: Tỉnh đã huy động được 7.226,8 tỷ đồng (tăng khoảng 73,6% so với giai đoạn trước), trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 871,54 tỷ đồng (chiếm 12,1%).

- Đối ứng từ ngân sách địa phương: 3.487,3 tỷ đồng (chiếm 48,3%).

- Lòng ghép từ các chương trình, dự án khác: 913,014 tỷ đồng (chiếm 12,6%).

- Nguồn vốn huy động từ doanh nghiệp và nguồn vốn khác: 497,5 tỷ đồng (chiếm 6,9%).

- Cộng đồng dân cư đối ứng kinh phí thực hiện: 1.457,4 tỷ đồng (chiếm 20,2%).

Ngoài ra, huy động nguồn vốn tín dụng phục vụ nông nghiệp nông thôn khoảng trên 24.000 tỷ đồng.

*(Chi tiết có Biểu số 01 kèm theo)*

Như vậy, tổng nguồn vốn huy động thực hiện Chương trình từ 2010-2019 khoảng 11.389 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2016-2019 cao gấp 1,7 lần so với giai đoạn 2010-2015. Giai đoạn 2016-2019, ngân sách địa phương đã có sự ưu tiên hơn để thực hiện Chương trình và cao gấp 2,6 lần so với giai đoạn 2010-2015 (giai đoạn này tỉnh tập trung thực hiện chính sách hỗ trợ xi măng làm đường giao thông, riêng ngân sách tỉnh từ năm 2017-dự kiến hết năm 2019 dành khoảng 1.116 tỷ đồng, bình quân 372 tỷ đồng/năm); đóng góp từ người dân và cộng đồng dân cư giai đoạn 2016-2019 cao gấp 1,5 lần so với giai đoạn 2010-2015 (chính sách hỗ trợ xi măng của tỉnh phù hợp với tâm tư nguyện vọng của người dân nên đã huy động được nội lực rất lớn trong nhân dân, từ năm 2017-dự kiến hết năm 2019 người dân đã đóng góp trên 1.000 tỷ đồng làm đường giao thông nông thôn), góp phần đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới cũng như đi vào chiều sâu, bền vững.

Trong cơ cấu nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2010-2019, các địa phương tập trung cứng hóa, nâng cấp đường giao thông (chiếm 52,4%), cơ sở vật chất văn hóa (chiếm 23,1%), thủy lợi (chiếm 4,5%), trường học (chiếm 4,7%), môi trường (chiếm 3,8%)...; vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương được các địa phương ưu tiên bố trí thực hiện phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, Chương trình OCOP (chiếm 23,5%), đào tạo nghề lao động nông thôn (chiếm 17,4%), truyền thông, nâng cao năng lực và giám sát chương trình (chiếm 7,1%), duy tu, bảo dưỡng công trình sau đầu tư (chiếm 16,3%), phát triển giáo dục (chiếm 15,2%), vệ sinh môi trường (chiếm 12,4%)....

c) Xử lý nợ xây dựng cơ bản: Kết quả rà soát nợ xây dựng cơ bản theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tính đến 30/6/2019 khoảng 15.489 triệu đồng (huyện Tân Yên 6.183 triệu đồng, Yên Dũng 3.883 triệu đồng, Lục Nam 2.819 triệu đồng, Yên Thế 2.604 triệu đồng), giảm 105.588 triệu đồng so với thời điểm 31/10/2017, đảm bảo đủ điều kiện hết năm 2019 xử lý xong nợ xây dựng cơ bản; đạt được kết quả trên là do trong giai đoạn 2016-2019 các địa phương đã có sự ưu tiên nguồn lực cho thực hiện Chương trình, nhất là nguồn thu từ ngân sách cấp xã tăng cao nên các địa phương có điều kiện để thanh toán nợ xây dựng cơ bản; đồng thời tỉnh chỉ đạo các địa phương trong sử dụng nguồn vốn trung hạn 2016-2020 phải ưu tiên cho xử lý nợ xây dựng cơ bản xong mới khởi công công trình mới.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính**

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: Đến hết tháng 8/2019, toàn tỉnh có 100/203 xã đạt chuẩn, chiếm 49,3% (tăng 32,6% so với năm 2015, cao hơn bình quân khu vực miền núi phía Bắc 22,85%, cao hơn mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII từ 9,3%-14,3%, vượt 9,9% mục tiêu đến năm 2020

được Thủ tướng Chính phủ giao theo Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 trước 02 năm); có 03 đơn vị (Việt Yên, TP Bắc Giang, Lạng Giang đã có 100% số xã đạt chuẩn); 10/10 huyện, thành phố đã có xã đạt chuẩn. Dự kiến hết năm 2019, toàn tỉnh có 114/203 xã đạt chuẩn, chiếm 56,6%.

- Bình quân tiêu chí toàn tỉnh đạt 15,5 tiêu chí xã (tăng 2,8 tiêu chí/xã so với năm 2015, tăng 8,3 tiêu chí/xã so với năm 2010), không còn xã đạt dưới 8 tiêu chí; cao hơn bình quân chung cả nước 0,24 tiêu chí/xã; huyện có bình quân tiêu chí/xã thấp là huyện Sơn Động (12,4 tiêu chí/xã), cụ thể:

+ Xã đạt 19 tiêu chí: 100 xã, chiếm 49,3% (giai đoạn 2010-2015 có 34 xã, giai đoạn 2016- tháng 8/2019 có 66 xã).

+ Xã đạt từ 15-18 tiêu chí: 41 xã, chiếm 20,2% (tăng 40 xã so với năm 2010).

+ Xã đạt từ 10-14 tiêu chí: 52 xã, chiếm 25,6% (tăng 25 xã so với năm 2010).

+ Xã đạt từ 5-9 tiêu chí: 10 xã, chiếm 4,9% (giảm 144 xã so với năm 2010).

+ Xã dưới 5 tiêu chí: 0 xã (giảm 21 xã so với năm 2010).

*(Chi tiết theo Biểu 02a, 02b kèm theo)*

- Về xây dựng thôn nông thôn mới: Được huyện Hiệp Hòa bắt đầu triển khai từ năm 2014, là cơ sở để tỉnh ban hành Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh, đến nay có 6/10 huyện, thành phố triển khai thực hiện (Hiệp Hòa, Yên Thế, Lục Ngạn, Yên Dũng, Lục Nam, Tân Yên), các huyện Việt Yên, Lạng Giang, Sơn Động và TP Bắc Giang tập trung triển khai ngay việc thực hiện xã nông thôn mới; hiện đã có 84 thôn được UBND cấp huyện công nhận thôn nông thôn mới, dự kiến hết năm 2019 có 130 thôn; việc triển khai thôn nông thôn mới tại các xã chưa xác định đạt chuẩn nhằm tạo không khí thi đua giữa các thôn và là tiền đề để xây dựng xã nông thôn mới thời gian tới.

- Về xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu: Xác định “*Xây dựng nông thôn mới là quá trình liên tục, lâu dài, có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc*”, tỉnh chỉ đạo các xã đã đạt chuẩn tiếp tục xây dựng kế hoạch duy trì nâng cao chất lượng các tiêu chí và thực hiện Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu (bắt đầu triển khai từ tháng 5/2018), lựa chọn 09 thôn điểm tại 09 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới của 9 huyện, thành phố (huyện Sơn Động không triển khai), việc triển khai thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu đã được các thôn hưởng ứng tích cực, đến nay cơ bản 09 thôn đã đạt 7/7 tiêu chí, dần tạo ra mô hình mẫu, điểm tại các xã đã đạt chuẩn, đã làm thay đổi được cảnh quan môi trường, tạo ra diện mạo mới tại các thôn nhất là đường giao thông, khu vực trung tâm thôn và đã phát huy, khơi dậy sự sáng tạo, nhiệt tình của đội ngũ Ban phát triển thôn, một số thôn làm tốt đã trở thành địa điểm thăm quan, trao đổi kinh nghiệm của các đoàn Trung ương và tỉnh bạn.

- Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới: Tỉnh đã có huyện Việt Yên đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2018 (huyện thứ 2 của khu vực Trung du Miền núi phía Bắc); huyện Lạng Giang đang hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình UBND tỉnh thẩm tra, xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; huyện Tân Yên đã đạt 6/9 tiêu chí huyện nông thôn mới, phấn đấu đạt chuẩn trong tháng 6/2020.

## **2. Một số kết quả nổi bật trong thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới**

### **2.1. Quy hoạch nông thôn mới được triển khai và hoàn thành sớm**

- Được xác định là nội dung quan trọng, phải được triển khai sớm để định hướng và làm cơ sở lập đề án xây dựng nông thôn mới, nên được các địa phương tập trung thực hiện, hết năm 2013 các địa phương đã hoàn thành phê duyệt đề án quy hoạch cho 203/203 xã, đạt 100%<sup>(5)</sup>. Công tác quy hoạch ở các xã cơ bản đảm bảo đúng trình tự, nội dung theo Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28/10/2011 về Quy định việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới. Việc triển khai và hoàn thành đề án quy hoạch sớm đã định hướng giúp các xã lập đề án và tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới đồng bộ, đảm bảo phát triển bền vững.

- Giai đoạn 2016-2020, thực hiện yêu cầu Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và hướng dẫn của Sở Xây dựng, các xã đã thực hiện rà soát, điều chỉnh đề án quy hoạch đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tiêu chí môi trường nông thôn và phù hợp với điều kiện nhu cầu thực tế của địa phương. Bên cạnh đó, các xã đã thực hiện ban hành quy chế quản lý quy hoạch và thực hiện cấm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng theo quy hoạch và khu vực trung tâm xã đảm bảo đạt chuẩn theo quy định. Ngoài ra, để đạt huyện nông thôn mới theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ, huyện Việt Yên và Lạng Giang đã thực hiện lập đề án quy hoạch vùng huyện và được UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

Đến nay, có 203/203 xã đạt tiêu chí Quy hoạch Bộ tiêu chí xã nông thôn mới; 02 huyện Việt Yên, Lạng Giang đạt tiêu chí Quy hoạch Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

**2.2. Hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung xây dựng, cơ chế hỗ trợ xi măng làm đường trục thôn, liên thôn tạo thành phong trào rộng khắp, lan tỏa; diện mạo nông thôn được đổi mới, khang trang, sạch, đẹp hơn, hạ tầng cơ sở đã và đang tạo thuận lợi cho việc tổ chức sản xuất và sinh hoạt của người dân nông thôn**

- Giao thông nông thôn được xác định là khâu đột phá, động lực cho phát triển kinh tế - xã hội do đó được tập trung dành nhiều nguồn lực thực hiện: Toàn tỉnh đã cứng hóa được trên 6.934km đường giao thông (từ nguồn vốn nông thôn mới thực hiện trên 2.934km; cơ chế hỗ trợ xi măng của tỉnh thực hiện trên 4.000km, bằng toàn bộ kết quả thực hiện giao thông nông thôn của các giai đoạn trước) nhiều địa phương đã có chuyển biến rõ nét về cứng hóa đường giao thông nông thôn, điển hình như huyện Lục Ngạn (cứng hóa 1.464,5km), Lạng Giang (cứng hóa 1.159,7km), Tân Yên (cứng hóa trên 900km); cơ chế hỗ trợ xi măng của tỉnh không chỉ phát huy được nội lực trong nhân dân, tạo phong trào cứng hóa đường giao thông, người dân đồng tình hưởng ứng, chủ động đóng góp, hiến

<sup>5</sup> 19 xã thực hiện năm 2010, 110 xã thực hiện năm 2011, 45 xã thực hiện năm 2012, 30 xã thực hiện năm 2013



đất, ngày công để làm đường giao thông<sup>6)</sup> mà có tác động đẩy nhanh tiến độ đăng ký xã hoàn thành nông thôn mới; cấp đường được mở rộng từ 2,0-2,5m lên trên 3,5m đảm bảo đi lại thuận lợi, 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã, cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân, thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa, nông sản, nâng cao thu nhập cho người dân; đặc biệt, tuyến đường TL 293 đã góp phần tạo nên sức bật mới trong phát triển kinh tế - xã hội, du lịch của các xã thuộc huyện Lục Nam, Sơn Động, Yên Dũng.

- Công trình thủy lợi và hệ thống kênh mương phục vụ sản xuất được đầu tư nâng cấp, cải tạo (trong 10 năm đã cứng hóa thêm 689,5km, nâng tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương từ 20% năm 2010 lên 43,6%, đảm bảo thực hiện tưới, tiêu chủ động trên 80% diện tích), góp phần quan trọng cho tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Hệ thống lưới điện tiếp tục được ngành điện quan tâm đầu tư, nâng cấp (trong 10 năm đã đầu tư trên 2.825 tỷ đồng, để thay thế 1.194 TBA và trên 2.760km đường dây dẫn điện) đảm bảo an toàn lưới điện, cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, 100% số xã, thôn đã có điện, gần 100% số hộ được sử dụng điện, góp phần nâng cao điều kiện sống cho người dân. Trường học các cấp được quan tâm đầu tư và nâng cấp trang thiết bị (trong 10 năm đã đầu tư xây dựng mới, cải tạo trên 2.579 phòng học, phòng chức năng các cấp, tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp học đạt 87,5%, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 85,6% (tăng 39,2% so với năm 2010), góp phần đảm bảo tốt điều kiện học tập cho học sinh. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, thông tin truyền thông, nhà ở dân cư ở các xã đã cơ bản hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân nông thôn.

- Cơ sở vật chất văn hóa được quan tâm đầu tư và thực hiện tốt việc huy động xã hội hóa trong xây dựng và vận hành nhà văn hóa xã, thôn (trong 10 năm các địa phương đã xây dựng mới, cải tạo nâng cấp được trên 1.120 công trình văn hóa, thể thao, đến nay 166/203 xã có nhà văn hóa xã, 2.093/2.273 thôn, bản có nhà văn hóa thôn, chiếm 92%), nhà văn hóa xã, thôn đã cơ bản được trang bị đầy đủ các thiết chế là nơi sinh hoạt chung của nhân dân.

Đến nay, số xã hoàn thành các tiêu chí về Hạ tầng kinh tế - xã hội đạt cao, có 152 xã đạt tiêu chí giao thông (tăng 104 xã so với năm 2015, tăng 151 xã so với năm 2010), 152 xã đạt tiêu chí thủy lợi (tăng 74 xã so với năm 2015, tăng 128 xã so với năm 2010), 165 xã đạt tiêu chí trường học (tăng 40 xã so với năm 2015, tăng 81 xã so với năm 2010), 101 xã đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa (tăng 62 xã so với năm 2015, tăng 101 xã so với năm 2010)...

### **2.3. Sản xuất nông nghiệp có nhiều điểm mới theo hướng phát huy thế mạnh từng địa phương, đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, thu nhập người dân tăng cao, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh**

- Kinh tế nông thôn có chuyển biến tích cực theo định hướng cơ cấu lại sản xuất, dần hình thành được thế mạnh về sản phẩm nông nghiệp theo từng vùng như: Huyện Sơn Động các sản phẩm từ rừng (mật ong, nấm, cây dược

---

<sup>6)</sup> Nổi bật như: Hộ ông Trần Công Sáu, thôn Cẩm Vân (xã Đông Lễ) ủng hộ 725 triệu đồng; hộ ông Nguyễn Văn Toàn, thôn Heo (xã Nghĩa Hòa) ủng hộ 141,7 triệu đồng; hộ bà Nguyễn Thị Khắc, thôn Cầu Cản (xã Việt Lập), hiến 400 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp, đất ở, tháo dỡ 20 m<sup>2</sup> mái lá, 360 m<sup>2</sup> đất lúa....

liệu); huyện Lục Ngạn vùng cây ăn quả; huyện Tân Yên vùng cây ăn quả, thủy sản và chăn nuôi; huyện Yên Thế chăn nuôi gà đồi, chè; huyện Hiệp hòa vùng rau an toàn; huyện Yên Dũng vùng lúa chất lượng, rau an toàn; huyện Việt Yên rau an toàn; huyện Lạng Giang vùng rau chế biến, lúa chất lượng; thành phố Bắc Giang vùng hoa gắn với khai thác du lịch.... Xúc tiến thương mại, tạo thị trường đầu ra ổn định cho nông sản được lãnh đạo tỉnh và các huyện, thành phố chú trọng với hàng loạt giải pháp như: Xúc tiến tiêu thụ vải thiều, gà đồi Yên Thế, cam, bưởi; ngày hội trái cây Lục Ngạn, ngày hội giới thiệu mỗi xã một sản phẩm; Hội nghị kết nối cung cầu các sản phẩm của Hợp tác xã; Tôn vinh các mặt hàng nông sản chủ lực... qua đó đưa sản phẩm nông nghiệp hàng hóa của tỉnh tham gia các kênh tiêu thụ, phân phối theo chuỗi liên kết tại một số tỉnh, thành phố trong nước và xuất khẩu.

- Ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất được các địa phương quan tâm thực hiện, mang lại hiệu quả kinh tế cao, nhất là sau khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 130-NQ/TU ngày 16/8/2016 về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020 và HĐND tỉnh ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ mô hình công nghệ cao rau, hoa quy mô từ 2.000m<sup>2</sup> trở lên (Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016). Các địa phương đã thực hiện được 249 mô hình ứng dụng công nghệ cao, với diện tích 411.292m<sup>2</sup> nhà màng, nhà lưới; nhiều mô hình điển hình cho hiệu quả kinh tế cao như: Mô hình Dưa lưới trồng trên giá thể 2-3 vụ/năm lợi nhuận gần 500 triệu đồng/ha/vụ; mô hình Hoa Lily 1 vụ/năm, lợi nhuận khoảng 1,5 tỷ đồng/ha/vụ; 02 mô hình vùng sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao quy mô 63ha tại huyện Yên Dũng, Hiệp Hòa và nhiều mô hình ứng dụng cao trong các lĩnh vực chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp; tổ chức chuyển giao 80 đề tài, dự án khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng vào điều kiện thực tế. Sản xuất theo hướng an toàn ngày càng được mở rộng, diện tích lúa chất lượng đạt 17.000ha, rau an toàn theo hướng VietGAP đạt 7.217ha, vải sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 14.300ha, thủy sản theo hướng VietGAP khoảng 620 ha....

- Dồn điền, đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu được triển khai điểm tại xã Cảnh Thụy (huyện Yên Dũng) đã trở thành phong trào trong nông nghiệp, từ năm 2013-2018 các địa phương đã thực hiện dồn điền, đổi thửa 16.962ha; số thửa bình quân/hộ sau dồn điền, đổi thửa giảm từ 3,08-14 thửa/hộ xuống còn từ 1,8-3 thửa/hộ, các xã thuộc 4 huyện miền núi giảm xuống còn từ 1,5-4 thửa/hộ; diện tích bình quân mỗi thửa sau dồn điền, đổi thửa cơ bản đều trên 700 m<sup>2</sup>/thửa đã tạo điều kiện đưa cơ giới hóa vào sản xuất; triển khai 163 cánh đồng mẫu, hiệu quả kinh tế từ sản xuất cánh đồng mẫu cao hơn sản xuất đại trà từ 20-40%, đã làm thay đổi nhận thức của người dân từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa tập trung liên kết với doanh nghiệp, đóng góp tích cực thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) của Trung ương, tỉnh đã tập trung lập và phê duyệt Đề án Chương trình OCOP (1 trong 6 tỉnh phê duyệt Đề án sớm nhất cả nước). Sau 01 năm thực hiện,

Chương trình OCOP đã được nhân dân, doanh nghiệp, các Hợp tác xã và các chủ thể sản xuất chủ động tham gia, tỉnh đã tiếp nhận đăng ký 62 sản phẩm (53 sản phẩm đã có và 9 ý tưởng sản phẩm), xây dựng và phát triển 25-30 sản phẩm OCOP năm 2019 đạt từ 3 sao trở lên; toàn tỉnh có 52 nhóm sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng, tiềm năng, một số sản phẩm đã trở thành sản phẩm hàng hóa có giá trị kinh tế cao, có nhãn hiệu tập thể, có mẫu mã đẹp, tham gia nhiều hội chợ triển lãm, được thị trường và nhiều người tiêu dùng biết đến như: Mỳ gạo Chũ, vải thiều, chè xanh bản Ven, gà đồi Yên Thế, Trà Hoa vàng, rượu Vân, mật ong rừng Tây Yên Tử, nấm Lim xanh và một số sản phẩm rau củ quả,...góp phần thúc đẩy phát triển những sản phẩm đặc sản của các địa phương.

- Các hình thức tổ chức sản xuất được đổi mới, phát triển cả về số lượng, chất lượng, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động, dần thích nghi với cơ chế thị trường, hỗ trợ tốt cho sự phát triển kinh tế hộ gia đình. Tỉnh đã tập trung nguồn lực hỗ trợ đầu tư hạ tầng cho các Hợp tác xã nông nghiệp (giai đoạn 2016-2020 dự kiến phân bổ 68.280 triệu đồng); ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã nông nghiệp (*Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh*); đào tạo tập huấn cho cán bộ Hợp tác xã và thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn tại các Hợp tác xã. Toàn tỉnh đã có 431 Hợp tác xã nông nghiệp (tăng 168 Hợp tác xã so với năm 2013, mỗi năm thành lập mới từ 30-50 Hợp tác xã), số Hợp tác xã hoạt động khá, tốt chiếm gần 61%; các Hợp tác xã yếu kém hoặc ngừng hoạt động lâu ngày được các địa phương hướng dẫn tổ chức lại hoạt động hoặc thực hiện giải thể theo quy định; một số Hợp tác xã nông nghiệp điển hình của tỉnh như: Hợp tác xã Rau sạch Yên Dũng doanh thu từ 13-15 tỷ đồng/năm; Hợp tác xã nông nghiệp Đồng Tâm 3 doanh thu từ 3-4 tỷ đồng/năm; Hợp tác xã Nông nghiệp tổng hợp Minh Tâm doanh thu trên 6 tỷ đồng/năm; Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Phương Nam doanh thu trên 800 triệu đồng/năm....

Giá trị sản xuất/ha đất nông nghiệp đạt 103,5 triệu đồng (tăng 56,5 triệu đồng so với năm 2010), góp phần nâng cao thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt khoảng 38 triệu đồng/người/năm (tăng gấp 3 lần so với năm 2010 và gấp 1,7 lần so với năm 2015); tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 19,61% năm 2010 xuống 7,29% năm 2018, bình quân mỗi năm giảm 1,5%, riêng các xã đặc biệt khó khăn giảm khoảng 4%.

Đến nay, có 158 xã đạt tiêu chí thu nhập (tăng 21 xã so với năm 2015, tăng 132 xã so với năm 2010), 156 xã đạt tiêu chí hộ nghèo (tăng 17 xã so với năm 2015, tăng 93 xã so với năm 2010), 170 xã đạt tiêu chí tổ chức sản xuất (tăng 13 xã so với năm 2015, tăng 74 xã so với năm 2010), 195 xã đạt tiêu chí lao động có việc làm (tăng 39 xã so với năm 2015, tăng 177 xã so với năm 2010).

#### **2.4. Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế đạt kết quả cao; công tác vệ sinh, môi trường tiếp tục được quan tâm, định hướng xử lý rác thải sinh hoạt theo hướng quy mô liên vùng**

- Chất lượng đời sống văn hoá tinh thần của người dân được nâng cao, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng

nông thôn mới đạt nhiều kết quả (88,3% gia đình văn hóa, 76,5% làng văn hóa, 41,2% xã văn hóa nông thôn mới); nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội có nhiều tiến bộ, bước đầu tổ chức thực hiện đám cưới điểm, tiêu biểu; các giá trị văn hóa, lễ hội truyền thống được quan tâm, bảo tồn và phát huy (huyện Sơn Động xây dựng làng văn hóa của các đồng bào dân tộc thiểu số, xây dựng 12 nhà sàn văn hóa lưu giữ các giá trị văn hóa truyền thống); phục hồi và phát triển nhiều lễ hội truyền thống lành mạnh gắn với du lịch sinh thái tại các địa phương; hệ thống cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa, thể thao ở thôn, xã ngày càng được hoàn thiện đã giúp hình thành hàng trăm câu lạc bộ thể thao (bóng chuyền hơi, bóng bàn...), hàng trăm câu lạc bộ văn nghệ (câu lạc bộ dân ca quan họ, hát Soongco của đồng bào Nùng, hát Then của đồng bào Tày, Dân vũ cầm làng Then - xã Thái Đào...) duy trì hoạt động đều đặn, thu hút sự tham gia của đông đảo người dân, tạo thành phong trào văn nghệ, thể thao rộng khắp, đã góp phần làm phong phú thêm đời sống văn hóa, tinh thần của người dân. Từ lợi thế của địa phương, tỉnh xây dựng 3 mô hình du lịch cộng đồng tại thôn Nà Ó, xã An Lạc (huyện Sơn Động), vùng cây ăn quả huyện Lục Ngạn, Bản Ven, xã Xuân Lương (huyện Yên Thế) và hình thành các tour du lịch gắn với di tích lịch sử tại mỗi địa phương để thu hút khách thăm quan.

- Chất lượng công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân ngày càng được nâng lên, quan tâm xây dựng cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp, xây dựng mới, nâng cấp và đầu tư trang thiết bị cho trên 120 trạm y tế xã, 96,5% xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế (tăng 53,1% so với năm 2010). Nhằm thực hiện mục tiêu BHYT toàn dân, năm 2016 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị về đẩy mạnh phát triển đối tượng tham gia BHYT, đến nay 98,5% người dân tham gia BHYT (tăng 38,8% so với năm 2011, vượt trên 14% so với chỉ tiêu Chính phủ giao cho tỉnh Bắc Giang). Chất lượng giáo dục duy trì ổn định, giữ vững trong top dẫn đầu cả nước, nhiều nội dung đều đạt kết quả tốt. Công tác đào tạo nghề cho nông thôn được quan tâm chú trọng gắn với nhu cầu lao động của doanh nghiệp, từ 2010-đến nay đã có 252.621 lao động được học nghề, trong đó có 54.099 lao động được đào tạo nghề theo Đề án hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đến nay, 64,8% lao động đã qua đào tạo (tăng 31,3% so với năm 2010), trong đó đào tạo nghề đạt 43,4% (tăng 22,4% so với năm 2010).

- Công tác bảo vệ môi trường nông thôn đã có bước đột phá lớn, từng bước làm thay đổi nhận thức, ý thức, trách nhiệm của người dân. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 139-NQ/TU ngày 01/9/2016 về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020 (tùng đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch, tổ chức đi xâm nhập thực tế để kiểm tra công tác bảo vệ môi trường); Kết luận số 43-KL/TU ngày 11/5/2017 về chỉ đạo giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường nông thôn (xác định nhiệm vụ trọng tâm của cấp ủy, chính quyền các cấp từ tỉnh đến thôn, làng, bản, tổ dân phố là phải tổ chức thu gom hết rác thải về đến các điểm tập kết để xử lý tiêu hủy); UBND tỉnh ban hành Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh và Quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Đến nay, 100% số xã có tổ, đội, Hợp tác xã môi trường

được thành lập, duy trì hoạt động, 162 xã có khu thu gom rác thải tập trung, 259 bãi chôn lấp rác thải, 94 lò đốt rác thải (65 lò đốt công nghệ, 29 lò đốt thủ công), 1.800/2.483 khu dân cư ban hành hương ước, quy ước có nội dung bảo vệ môi trường, 2.400 bể chứa bao gói thuốc BVTV; xử lý 264 điểm tồn lưu rác thải phức tạp; 03 cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng của huyện Việt Yên đã được cơ quan chuyên môn chứng nhận cơ sở đã hoàn thành các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Với định hướng xử lý chất thải tập trung quy mô liên huyện, tỉnh đã quy hoạch 03 khu xử lý rác thải tập trung (TP Bắc Giang đã lựa chọn được nhà đầu tư nhà máy xử lý rác thải, huyện Lục Nam, Hiệp Hòa đang thực hiện GPMB). Phong trào Ngày thứ 7, Chủ nhật xanh, tuyến đường tự quản, mô hình trồng hoa, cây xanh, tuyến đường bích họa phát triển mạnh mẽ tại các địa phương, vừa góp phần tạo cảnh quan xanh - sạch - đẹp, vừa góp phần nâng cao ý thức của người dân trong công tác giữ gìn vệ sinh môi trường, từng bước khắc phục tình trạng xả rác ra đường, điển hình như: Hội phụ nữ các cấp xây dựng 67 mô hình "*Phụ nữ nói không với túi nilon, sản phẩm nhựa dùng một lần*", "*Hạn chế sử dụng túi nilon*", trồng và chăm sóc trên 600km đường hoa; Hội phụ nữ huyện Hiệp Hòa phát 21.646 xô phân loại rác thải; Hội phụ nữ huyện Lạng Giang phát 9.500 làn nhựa cho hội viên để giảm thiểu sử dụng túi nilon; Tỉnh đoàn vẽ trên 5.000m<sup>2</sup> tuyến đường bích họa; tỉnh đã chỉ đạo xây dựng mô hình "Thôn nông thôn mới kiểu mẫu" để hình thành các thôn nổi bật về cảnh quan đường làng, ngõ xóm "sáng, xanh, sạch, đẹp"... Đã có 80,8% chất thải rắn được thu gom (tăng 26,2% so với năm 2015), 81,2% rác thải được xử lý (tăng 26,6% so với năm 2015).

Đến nay, có 158 xã đạt tiêu chí văn hóa (tăng 44 xã so với năm 2015, tăng 75 xã so với năm 2010), có 194 xã đạt tiêu chí Giáo dục và Đào tạo (tăng 18 xã so với năm 2015, tăng 102 xã so với năm 2010); có 193 xã đạt tiêu chí Y tế (tăng 22 xã so với năm 2015, tăng 32 xã so với năm 2010), có 100 xã đạt tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm (tăng 66 xã so với năm 2015, tăng 100 xã so với năm 2010).

## **2.5. Hệ thống tổ chức chính trị xã hội được củng cố; an ninh, trật tự xã hội cơ bản được giữ vững góp phần ổn định chính trị xã hội, phát triển kinh tế**

- Hệ thống chính trị xã hội và tiếp cận pháp luật được củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng; vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới được phát huy, nâng cao; khả năng tiếp cận pháp luật được tăng cường qua đó nâng cao nhận thức pháp luật; công tác bồi dưỡng, tập huấn về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ cấp cơ sở được chú trọng (sau 10 năm cấp tỉnh đã tổ chức được 94 lớp cho 6.660 học viên xã, thôn, tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm tại các tỉnh bạn, tổ chức 13 hội nghị tuyên truyền cho 3.995 lượt người (100% cán bộ cấp thôn) về cơ chế chính sách nông thôn mới, cách thức thực hiện thôn nông thôn mới) đã góp phần nâng cao năng lực cán bộ, công chức xã và cán bộ cơ sở một cách rõ rệt. Một số địa phương đã thực hiện hiệu quả công tác điều động, bổ nhiệm cán bộ huyện có năng lực giữ vị trí chủ chốt để hỗ trợ các xã trong xây dựng nông thôn mới...

- Tình hình an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định: Lực lượng công an các cấp đã phối hợp với các ngành thực hiện tốt công tác tuyên truyền về an ninh, trật tự xã hội trong xây dựng nông thôn mới, qua đó quần chúng nhân dân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, tích cực tham gia tố giác tội phạm, giúp đỡ lực lượng công an trong phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc tiếp tục phát huy được hiệu quả; duy trì hoạt động trên 10 nghìn mô hình tổ chức quần chúng làm công tác bảo vệ an ninh, trật tự cơ sở; nhiều mô hình trong quần chúng đã phát huy hiệu quả như: Mô hình lắp đặt Camera an ninh của Hội CCB xã Yên Mỹ; mô hình Tổ tự quản về ANTT thôn Đồng Tâm, xã Thường Thắng; mô hình Cụm dân cư an toàn thôn Lim, xã Giáp Sơn... qua đó tội phạm về trật tự xã hội được kiềm chế, không xảy ra điểm nóng, phức tạp về an ninh trật tự, góp phần quan trọng bảo đảm ổn định ở cơ sở, tạo sự đồng thuận trong nhân dân, xây dựng nông thôn mới bền vững.

Đến nay, có 170 xã đạt tiêu chí Hệ thống chính trị xã hội và tiếp cận pháp luật (tăng 08 xã so với năm 2015, tăng 48 xã so với năm 2010), có 195 xã đạt tiêu chí Quốc phòng và an ninh (tăng 17 xã so với năm 2010).

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

#### 1. Kết quả đạt được

- Sau 10 năm triển khai thực hiện Chương trình, với sự nỗ lực, cố gắng không ngừng của cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là phát huy sức sáng tạo, tinh thần cộng đồng của nhân dân, nông thôn tỉnh Bắc Giang đã có những chuyển biến tích cực; Phong trào “Bắc Giang chung sức xây dựng nông thôn mới” đã thực sự trở thành một phong trào ý nghĩa, có sức lan tỏa sâu rộng và được người dân đồng tình hưởng ứng (theo thống kê tỷ lệ người dân hài lòng với kết quả xây dựng nông thôn mới tại các xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới đều đạt trên 90%). Đến nay, tỉnh đã có 100 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 49,3%, có huyện Việt Yên đạt huyện nông thôn mới, bình quân tiêu chí đạt 15,5 tiêu chí/xã, hoàn thành mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII trước 02 năm, tỉnh Bắc Giang đứng tốp đầu khu vực miền núi Phía Bắc. Dự kiến hết năm 2019, tỉnh có 114 xã đạt chuẩn, chiếm 56,2%, có 02 huyện nông thôn mới (Việt Yên, Lạng Giang), 09 thôn nông thôn mới kiểu mẫu, 130 thôn nông thôn mới, không còn xã dưới 9 tiêu chí.

- Nhận thức của đa số người dân về Chương trình ngày càng được nâng cao, vai trò chủ thể của người dân được phát huy, chủ động tham gia đóng góp ngày công, tiền của làm công trình công cộng; mỗi địa phương đều có cách làm sáng tạo phù hợp với điều kiện của mình; sự vào cuộc quyết liệt, sát sao của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, nhất là cán bộ thôn, bản đã tạo sự chuyển biến lớn cho Chương trình, thống nhất nhận thức “*Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của cả hệ thống chính trị, người dân là chủ thể*”.

- Hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư, nâng cấp có chuyển biến rõ nét, góp phần thay đổi cơ bản bộ mặt nông thôn, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, vui chơi, giải trí và tăng hưởng thụ trực tiếp cho người

dân, nhất là đường giao thông nông thôn (trong 3 năm từ 2017-2019 tổng số km đường giao thông nông thôn thực hiện bằng hàng chục năm trước cộng lại).

- Phát triển sản xuất có nhiều điểm mới, nổi bật, thu hút được Hợp tác xã, doanh nghiệp, cá nhân vào đầu tư vùng sản xuất hàng hóa tập trung, liên kết theo chuỗi giá trị; ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao bước đầu đem lại hiệu quả; dồn điền, đổi thửa, canh đồng mẫu đạt kết quả cao góp phần thay đổi cách thức sản xuất từ nhỏ lẻ sang sản xuất quy mô lớn có liên kết; hình thức tổ chức sản xuất được củng cố, Hợp tác xã kiểu mới hoạt động hiệu quả được nhân rộng; Chương trình OCOP được tập trung thực hiện, các tổ chức, cá nhân dần quan tâm đến việc xây dựng nhãn hiệu, mẫu mã, bao bì, truy xuất nguồn gốc để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm; tỉnh đề ra được chiến lược phát triển ngành nông nghiệp đến năm 2030.

- Đời sống người dân được nâng lên, thu nhập, điều kiện và mức sống của nhân dân được cải thiện, an sinh xã hội được quan tâm; văn hoá, giáo dục, y tế và môi trường nhiều nội dung có chuyển biến tích cực, từng bước nâng cao chất lượng, kết quả thực hiện một số nội dung đứng top đầu cả nước; hệ thống chính trị ở cơ sở được củng cố, an ninh trật tự được giữ vững góp phần phát triển kinh tế tại địa phương, niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng ngày càng được củng cố.

- Huy động nguồn lực đạt kết quả cao, tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương so với ngân sách Trung ương vượt so với quy định (3,9:1), cơ bản nợ đọng xây dựng nông thôn mới đã được xử lý; hệ thống cơ chế chính sách được ban hành đồng bộ trong giai đoạn 2016-2020 đã tạo thuận lợi cho địa phương thực hiện, nhất là cơ chế hỗ trợ xi măng của tỉnh phù hợp với tâm tư nguyện vọng của người dân nên đã huy động được nội lực rất lớn trong nhân dân.

## **2. Hạn chế và nguyên nhân**

### **2.1. Hạn chế**

- Kết quả xây dựng nông thôn mới giữa các địa phương còn chênh lệch (số xã đạt chuẩn tại 4 huyện miền núi cao bình quân 19,1%, các huyện đồng bằng là 75,2% và đang trong quá trình thực hiện xã nông thôn mới nâng cao); chất lượng đạt chuẩn tiêu chí ở một số địa phương còn thiếu bền vững; bình quân tiêu chí tại các xã nghèo, đặc biệt khó khăn thấp hơn nhiều so với bình quân chung toàn tỉnh (thấp hơn 5,0 tiêu chí/xã) nhưng chưa có nhiều cách làm linh hoạt, sáng tạo tại các địa phương này.

- Tiêu chí Môi trường vẫn là tiêu chí khó đối với các xã nhất là chất thải sinh hoạt, hiện còn 68 xã chưa có điểm thu gom rác tập trung của xã; tỷ lệ xã tổ chức thu tiền dịch vụ xử lý rác thải đạt thấp (hiện mới đạt 63,48%), còn tình trạng vứt rác thải ra ngoài môi trường, chưa thật sự xanh - sạch - đẹp, còn để phát sinh nhiều điểm tồn lưu, tái tồn rác thải lớn như huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Tân Yên; mạng lưới thu gom, cơ sở hạ tầng cho xử lý rác thải chưa được đầu tư đồng bộ, các khu thu gom, xử lý cơ bản đã quá tải, chưa có biện pháp xử lý lượng rác tồn đọng vẫn đang là vấn đề bức xúc trong nhân dân.

- Sản xuất nông nghiệp vẫn còn phân tán, sản xuất theo hướng hàng hóa, liên kết 4 nhà trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thiếu tính bền vững; hiệu quả hoạt động của Hợp tác xã còn hạn chế, chưa thật sự gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất với thị trường; ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất còn thấp; số sản phẩm nông nghiệp có thương hiệu, nhãn hiệu, bao bì, tem nhãn đạt chuẩn và truy xuất nguồn gốc chưa nhiều nên chưa phát huy được lợi thế cạnh tranh của sản phẩm; chính sách phát triển nông nghiệp còn phân tán ở nhiều văn bản, khó khăn trong lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện.

- Bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp chưa được quy định rõ vị trí pháp lý trong hệ thống các cơ quan và cơ cấu phòng chuyên môn, chưa có chế độ đối với thành viên chuyên trách, kiêm nhiệm của Văn phòng; cán bộ theo dõi nông thôn mới cấp xã đều là cán bộ kiêm nhiệm, thường xuyên có sự thay đổi trong phân công nhiệm vụ ảnh hưởng đến việc theo dõi tại cơ sở.

## **2.2. Nguyên nhân của hạn chế**

### **a) Nguyên nhân khách quan**

- Những địa phương có tỷ lệ số xã đạt chuẩn còn thấp chủ yếu là do địa bàn rộng, địa hình phức tạp, nên việc đầu tư xây dựng công trình hạ tầng rất khó khăn, suất đầu tư lớn, đời sống nhân dân còn khó khăn, hầu hết chưa đạt tiêu chí hạ tầng kinh tế - xã hội, thu nhập và hộ nghèo. Ruộng đất manh mún, nhỏ lẻ, phân tán, diện tích đất bình quân trên hộ thấp, khó tạo thành vùng tập trung để thu hút doanh nghiệp, Hợp tác xã vào đầu tư; công nghiệp phát triển thu hút lực lượng lao động trẻ ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

- Nhu cầu nguồn vốn xây dựng nông thôn mới tương đối lớn, nhất là tại các xã đặc biệt khó khăn, tuy nhiên đến nay mới được phân bổ 648.240 triệu đồng, chiếm 56,3% tổng vốn giai đoạn 2016-2020, do vậy ảnh hưởng đến việc triển khai tại địa phương.

### **b) Nguyên nhân chủ quan**

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn mới và công tác bảo vệ môi trường khu vực nông thôn; công tác tuyên truyền vận động thực hiện Chương trình ở một số nơi chưa sâu, tuyên truyền trực quan còn hạn chế và chưa được quan tâm đúng mức nên sự tham gia của nhân dân chưa tích cực.

- Sự phối hợp của các Sở, ngành, địa phương trong tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn cho cơ sở còn hạn chế; công tác kiểm tra, đôn đốc có lúc chưa thường xuyên; cơ chế chính sách ban hành nhiều nhưng chủ yếu ngắn hạn và thiếu nguồn lực để thực hiện.

- Sự lãnh đạo chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền có lúc chưa thường xuyên, sâu sát, thiếu quyết liệt (huyện Sơn Động giai đoạn 2016-2020 chưa có thêm xã đạt chuẩn nông thôn mới; huyện Việt Yên sau đạt chuẩn chưa chỉ đạo xây dựng xã nông thôn mới nâng cao; các xã đã đạt chuẩn chưa chủ động trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao; các xã chưa xác định đạt chuẩn chưa thể hiện quyết tâm mạnh mẽ, còn tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước) nên kết quả còn khiêm tốn.



### 3. Bài học kinh nghiệm

*Một là*, phải có sự tập trung, vào cuộc quyết liệt, thống nhất cao, quán triệt sâu sắc, phân công trách nhiệm rõ ràng của cấp ủy, chính quyền, các tổ chức trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở trong tổ chức thực hiện Chương trình.

*Hai là*, thường xuyên tổng kết thực tiễn, quan tâm bố trí nguồn lực kịp thời và chính sách phù hợp với tâm tư nguyện vọng của người dân sẽ phát huy được nguồn lực lớn trong dân; phải có cách làm sáng tạo, phù hợp với điều kiện của từng địa phương thông qua lựa chọn nội dung trọng tâm, nhiệm vụ ưu tiên để tập trung nguồn lực thực hiện.

*Ba là*, sự đồng thuận của người dân là yếu tố quyết định đến sự thành công của Chương trình với phương châm “*Người dân là chủ thể - Công tác tuyên truyền là giải pháp hàng đầu - Sự đồng thuận của người dân là yếu tố quyết định*”, do vậy trong thực hiện cần phát huy vai trò chủ thể của người dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, từng nội dung phải được nhân dân bàn bạc dân chủ, công khai, minh bạch để tạo ra sự đồng thuận, ủng hộ của các tầng lớp nhân dân; công tác tuyên truyền, vận động quần chúng là giải pháp quan trọng hàng đầu, phải được thực hiện thường xuyên, sâu rộng, phong phú, làm cho dân hiểu rõ lợi ích, dân tin, dân hưởng ứng bằng sự tham gia đóng góp ý kiến, ngày công, tiền của và chủ động thực hiện các nhiệm vụ của mình.

*Bốn là*, vai trò của cán bộ chủ chốt ở cơ sở là hết sức quan trọng, vì vậy phải phát huy mạnh mẽ vai trò, sự sáng tạo của cấp ủy, lãnh đạo thôn với ý nghĩa tiên phong, nhất là Bí thư chi bộ, Trưởng thôn; thực tế cho thấy ở đâu cấp ủy, chính quyền quan tâm, người đứng đầu, Đảng viên gương mẫu, trách nhiệm, bám sát thực tiễn, vận dụng sáng tạo thì trong cùng hoàn cảnh còn nhiều khó khăn vẫn tạo ra sự chuyển biến rõ nét.

*Năm là*, tập trung chỉ đạo, đổi mới tư duy trong phát triển sản xuất để nâng cao năng suất, giá trị gia tăng, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống cho người dân đây là mục tiêu cốt lõi của chương trình xây dựng nông thôn mới, tạo niềm tin của người dân đối với chương trình, là cơ sở huy động nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới, góp phần xây dựng nông thôn mới bền vững.

#### Phần thứ hai

### ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THỜI GIAN TỚI

#### I. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG CHỈ ĐẠO

Quán triệt quan điểm: “*Nông nghiệp, nông dân, nông thôn là chiến lược, xây dựng nông thôn mới là căn bản, tái cơ cấu nông nghiệp là then chốt, người nông dân là chủ thể*” và “*Xây dựng nông thôn mới là quá trình liên tục, lâu dài, có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc*”. Tập trung giải quyết ba vấn đề chính còn tồn tại hạn chế giai đoạn trước, tạo sự đột phá của Chương trình: Giảm khoảng cách chênh lệch kết quả xây dựng nông thôn mới giữa các địa phương; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, trọng tâm thực hiện hiệu

quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm và khuyến khích doanh nghiệp, Hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, lâm nghiệp, Hợp tác xã là trung tâm, hộ gia đình là hạt nhân; thực hiện hiệu quả vấn đề môi trường nông thôn, trọng tâm là thu gom, vận chuyển rác thải về nơi xử lý tập trung, xóa bỏ điểm tồn lưu rác thải.

## **II. MỤC TIÊU CỤ THỂ**

### **1. Mục tiêu năm 2020**

- Cấp huyện: Có thêm huyện Tân Yên đạt chuẩn nông thôn mới, lũy kế có 03 huyện (Việt Yên, Lạng Giang, Tân Yên) đạt chuẩn nông thôn mới.

- Cấp xã: Có thêm 19 xã đạt chuẩn nông thôn mới, lũy kế 132 xã, chiếm 65,5%; có 08 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao, trong đó có 01 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Thôn nông thôn mới, thôn nông thôn mới kiểu mẫu: Có thêm 19 thôn đạt thôn nông thôn mới, lũy kế 149 thôn; có thêm 47 thôn đạt thôn nông thôn mới kiểu mẫu, lũy kế 56 thôn.

- Bình quân tiêu chí/xã: Tăng thêm 0,7 tiêu chí/xã, lũy kế đạt 16,2 tiêu chí/xã; giảm 10 xã đạt dưới 10 tiêu chí (không còn xã đạt dưới 10 tiêu chí).

- Nâng cao đời sống chất lượng người dân nông thôn: Tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2016-2020 giảm còn 3,29%; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 40 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt trên 99,5% dân số; tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh đạt 95%; Tỷ lệ thu gom chất thải rắn đạt 70%, tỷ lệ thu gom được xử lý đạt 98%....

### **2. Mục tiêu giai đoạn 2021-2025**

- Cấp huyện: Có thêm huyện Yên Dũng, Hiệp Hòa đạt chuẩn huyện nông thôn mới, lũy kế 05 huyện đạt huyện nông thôn mới (Việt Yên, Lạng Giang, Tân Yên, Yên Dũng, Hiệp Hòa); các huyện Việt Yên, Lạng Giang, Tân Yên tiếp tục phấn đấu trở thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định Trung ương.

- Cấp xã: Trên 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó khoảng 20% số xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao, khoảng 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Thôn nông thôn mới, thôn nông thôn mới kiểu mẫu: 80% số thôn, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn đạt chuẩn thôn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 do tỉnh ban hành; các xã đã đạt chuẩn có tối thiểu 01 thôn đạt thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Không còn xã đạt dưới 15 tiêu chí theo Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn được nâng cao, thu nhập bình quân tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2020.

*(Chi tiết có Biểu 03 kèm theo)*

### III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN

1. Tiếp tục quán triệt và triển khai các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về thực hiện Chương trình với phương châm “*Xây dựng nông thôn mới là quá trình liên tục, lâu dài, có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc*”<sup>(7)</sup> do đó phải thực chất, lấy việc nâng cao đời sống của người dân làm mục tiêu; xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị, cần phải kiên trì, tập trung cao lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

2. Tập trung hoàn thành các nhiệm vụ còn lại năm 2019, phân đấu hoàn thành các mục tiêu của năm 2020 trước Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020-2025; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021-2025 theo từng năm, cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình giai đoạn 2021-2025 vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025, gán trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện, xác định đây là thước đo để đo sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền địa phương đối với đời sống người dân.

3. Tiếp tục phối hợp với cơ quan thông tin truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về Chương trình nhằm nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và người dân để khơi dậy được tiềm năng, lợi thế của địa phương trong phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an ninh trật tự...; ban hành kế hoạch thực hiện phong trào thi đua “*Bắc Giang chung sức xây dựng nông thôn mới*” giai đoạn 2021-2025 và thực hiện hiệu quả cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” để tiếp tục huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị và người dân trong thực hiện Chương trình; đưa nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới hàng tháng vào thông tin nội bộ của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy để thông tin, tuyên truyền cho cán bộ Đảng viên tại các cuộc họp Chi bộ.

4. Phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo bền vững theo chiều sâu là gốc của Chương trình nông thôn mới.

Tiếp tục đẩy nhanh thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh, gắn với phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ và an toàn sinh học; tập trung khai thác hiệu quả diện tích đã thực hiện dồn điền, đổi thửa và nhân rộng cánh đồng mẫu tại các địa phương. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, xác định đây là yếu tố then chốt, động lực chính cho tăng trưởng, nâng cao giá trị gia tăng, từng bước hình thành các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất nhất là Hợp tác xã nông nghiệp, ưu tiên nguồn vốn để hỗ trợ các Hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả theo Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh. Tạo môi trường thuận lợi khuyến khích doanh

---

<sup>7</sup> Xã chưa đạt chuẩn thực hiện thôn nông thôn mới, xã nông thôn mới; xã đã đạt chuẩn tiếp tục thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu; huyện đã đạt chuẩn tiếp tục thực hiện huyện nông thôn mới kiểu mẫu.

ngiệp, Hợp tác xã thuê lại ruộng đất của người dân hoặc đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp để hình thành vùng sản xuất tập trung, liên kết theo chuỗi giá trị với phương châm “Doanh nghiệp, Hợp tác xã là trung tâm, hộ gia đình là hạt nhân”.

Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng và đặc sản, thế mạnh của địa phương theo Chương trình OCOP gắn với xây dựng thương hiệu, bao bì nhãn mác sản phẩm, truy xuất nguồn gốc; đẩy mạnh xúc tiến thương mại sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP Bắc Giang; ban hành chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình OCOP, xác định đây là nội dung đột phá, động lực, sức sống của Chương trình nông thôn mới thời gian tới.

Rà soát các chính sách hiện nay về nông nghiệp, ban hành chính sách tổng thể về ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 để tập trung nguồn lực thực hiện, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Chiến lược phát triển nông nghiệp của tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035, phấn đấu đến năm 2030 Bắc Giang là trọng điểm nông nghiệp quốc gia, đứng đầu miền Bắc.

Huy động mọi nguồn lực để phát triển công nghiệp nhanh, bền vững, tạo động lực chính thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân; phấn đấu đến năm 2030, Bắc Giang là một trong những trung tâm công nghiệp trong khu vực.

5. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng cơ bản ở nông thôn, duy tu, nâng cấp công trình đã đầu tư; có chính sách đột phá, ưu tiên nguồn lực hỗ trợ hoàn thiện cơ sở hạ tầng trên địa bàn những xã đặc biệt khó khăn, chú trọng đầu tư cho các công trình cấp thôn, bản nhằm cải thiện trực tiếp điều kiện sinh hoạt và sản xuất của người dân. Các địa phương nhân rộng cơ chế hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn (trục xã, ngõ xóm, nội đồng); có chính sách tập trung hỗ trợ xây dựng hệ thống thủy lợi, nâng cấp, xây mới hồ đập, trạm bơm tưới, tiêu, giao thông nội đồng, đường điện phục vụ các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, thâm canh cao.

6. Nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, bài trừ tệ nạn xã hội để nâng cao đời sống tinh thần của người dân nông thôn. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” gắn với xây dựng nông thôn mới; Bảo tồn và phát huy sự đa dạng về văn hóa của các dân tộc, làm cơ sở để nhân rộng các mô hình du lịch cộng đồng ở các vùng nông thôn. Tăng cường nâng cao chất lượng công tác giáo dục, đào tạo cũng như đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với chương trình, đề án cụ thể trên địa bàn, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo, nâng cao chất lượng lao động.

Phát huy vai trò của nhân dân trong giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn; đẩy nhanh tiến độ triển khai chủ trương đưa lực lượng công an chính quy về công an xã ở những khu vực trọng yếu, các điểm nóng phức tạp; đồng thời nhân rộng và phát huy hiệu quả các mô hình tự quản đảm bảo giữ vững an ninh trật tự xã hội thông qua phát huy vai trò của các trưởng bản, người đứng đầu dòng họ.

7. Tập trung hoàn thành 03 nhà máy xử lý rác thải quy mô liên vùng theo quy hoạch (TP Bắc Giang, Lục Nam, Hiệp Hòa); triển khai hiệu quả Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải và Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh triển khai Thôn nông thôn mới kiểu mẫu tại các xã đã đạt chuẩn để xây dựng cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp trở thành “Làng quê đáng sống” gắn với du lịch cộng đồng tại địa phương; nhân rộng các phong trào, mô hình của các tổ chức đoàn thể để xây dựng môi trường bền vững như: Mô hình trồng hoa, cây xanh, tuyến đường bích họa; thu gom, phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình; điểm thu gom bao bì thuốc BVTV tại cánh đồng; phụ nữ nói không với túi nilon và rác thải nhựa;...

8. Huy động tối đa các nguồn lực để thực hiện Chương trình, các địa phương hàng năm dành tỉ lệ ngân sách ưu tiên cho xây dựng nông thôn mới, nhất là cho các xã nghèo, đặc biệt khó khăn để giảm khoảng cách giữa các địa phương; tập trung thực hiện xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, thôn nông thôn mới tại các xã đặc biệt khó khăn và thôn nông thôn mới kiểu mẫu tại các xã đã đạt chuẩn là nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2021-2025.

Đối với các xã phấn đấu đạt chuẩn: Ưu tiên nguồn kinh phí ngân sách tỉnh quản lý hỗ trợ các xã đạt chuẩn theo lộ trình từng năm; mỗi xã phấn đấu hoàn thành 01 tiêu chí/năm.

Đối với các xã đã đạt chuẩn: Mỗi xã lựa chọn tối thiểu 01 thôn để triển khai thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu theo Bộ tiêu chí của tỉnh; triển khai thực hiện xã nông thôn mới nâng cao (bình quân mỗi năm phấn đấu có tối thiểu 08 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao) và xã nông thôn mới kiểu mẫu (bình quân mỗi năm phấn đấu tối thiểu 04 xã nông thôn mới kiểu mẫu).

Đối với các xã nghèo, đặc biệt khó khăn: Triển khai thực hiện thôn nông thôn mới gắn với giảm nghèo bền vững theo Bộ tiêu chí của tỉnh (năm 2020 ban hành Bộ tiêu chí để thực hiện giai đoạn 2021-2025); dành nguồn lực hỗ trợ các thôn; bình quân mỗi năm mỗi xã hoàn thành 20% số thôn đạt thôn nông thôn mới, trọng tâm hoàn thành tiêu chí về thu nhập, hộ nghèo, tổ chức sản xuất, làm tiền để đạt xã nông thôn mới giai đoạn tiếp theo.

Đối với các xã còn lại: Tổ chức thực hiện Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí của tỉnh, tập trung thực hiện nội dung về môi trường, cảnh quan, phấn đấu mỗi năm hoàn thành thêm từ 0,5-1,0 tiêu chí/xã.

Đối với huyện nông thôn mới: Năm 2021, huyện Yên Dũng và Hiệp Hòa đạt huyện nông thôn mới; các huyện đã đạt chuẩn tiếp tục triển khai huyện nông thôn mới kiểu mẫu, phấn đấu đến năm 2025 có tối thiểu 01 huyện đạt đủ điều kiện huyện nông thôn mới kiểu mẫu.

9. Tiếp tục thực hiện kiện toàn Ban Chỉ đạo các huyện, thành phố, ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên gắn với kết quả thực hiện tại cơ sở; giữ vững và củng cố hệ thống Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp đảm bảo đủ số lượng, chất lượng theo hướng chuyên nghiệp hóa, chuyên môn hóa, nâng cao năng lực và hiệu quả tham mưu, xác định đây là một giải pháp quan trọng tạo nên thành công của Chương trình.

Quan tâm tăng cường bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nhất là ở cấp xã, thôn để nâng cao chất lượng công tác tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách sáng tạo, đột phá phù hợp với điều kiện đặc thù của từng địa phương; thực hiện tốt công tác cán bộ cơ sở, tăng cường điều động, luân chuyển cán bộ có năng lực giữ vị trí chủ chốt ở xã khó khăn, xã có tiến độ triển khai còn chậm để tạo sự chuyển biến trong triển khai Chương trình, luân chuyển cán bộ từ những địa phương làm tốt sang các địa phương còn khó khăn; bố trí cán bộ chuyên trách nông thôn mới trên cơ sở tổng biên chế được giao.

10. Thực hiện nghiêm túc việc công nhận thôn, xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới đảm bảo chất lượng, thực chất, thực hiện lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trong xét công nhận nông thôn mới đảm bảo khách quan, đúng quy trình, phản ánh trung thực nhận xét đánh giá của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới; phát huy vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư đối với xây dựng nông thôn mới. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc các địa phương trong thực hiện Chương trình nông thôn mới, trong đó chú trọng quản lý chặt chẽ việc sử dụng và huy động các nguồn lực.

#### **IV. TỔNG NHU CẦU KINH PHÍ GIAI ĐOẠN 2021-2025**

**1. Tổng mức vốn.** Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 khoảng: 7.063 tỷ đồng.

##### **2. Cơ cấu nguồn lực**

- Vốn ngân sách Trung ương: 1.786,4 tỷ đồng, chiếm 25,3%, trong đó: Vốn đầu tư phát triển 1.378,9 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 406,5 tỷ đồng.

- Vốn ngân sách địa phương: 1.378,9 tỷ đồng, chiếm 19,5%.

- Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án khác: 1.407,6 tỷ đồng, chiếm 19,9%.

- Vốn từ các Doanh nghiệp, Hợp tác xã và các loại hình kinh tế khác: 550 tỷ đồng, chiếm 7,8%.

- Vốn huy động đóng góp của cộng đồng dân cư: 1.939,2 tỷ đồng, chiếm 27,5%

Ngoài ra, tiếp tục huy động trên 28.000 tỷ đồng nguồn vốn tín dụng phục vụ nông nghiệp nông thôn theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

#### **V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

##### **1. Đối với Ban Chỉ đạo Trung ương**

- Cân đối đủ và sớm phân bổ nguồn vốn năm 2020 còn lại giai đoạn 2016-2020 cho các địa phương.

- Tăng nguồn vốn hỗ trợ đối với các tỉnh thuộc miền núi phía Bắc và xã thuộc huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn để giảm khoảng cách xây dựng nông thôn mới giữa các vùng và giữa các xã trong tỉnh (trong phân bổ nguồn vốn không quy định hệ số phân bổ như hiện nay, giao cho các địa phương chủ động thực hiện tùy điều kiện mỗi tỉnh).

## 2. Đối với Tỉnh ủy

- Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2020 - 2025.

Trên đây là báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; định hướng giai đoạn sau năm 2020./.

Nơi nhận:

- BCĐTW Chương trình MTQG XDNTM;
- Văn phòng điều phối Trung ương;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh, TT. UBND tỉnh;
- Các đại biểu dự Hội nghị tổng kết;
- Thành viên BCĐ NTM tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thành ủy Bắc Giang;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, TH, CNN, TTTT, TKCT;
- + Lưu: VT, NN.Tháng

KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH  
Đương Văn Thái





Biểu 01

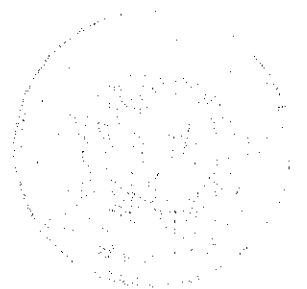
**KẾT QUẢ ĐÓNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2010-2019, NHU CẦU NĂM 2020 VÀ GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Quyết định số: 134 /BC-BCĐ ngày 13 /9/2019 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Bắc Giang

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tổng giai đoạn 2010-2019	Trong đó		Nhu cầu năm 2020	Nhu cầu giai đoạn 2021-2025
		Giai đoạn 2010-2015	Giai đoạn 2016-2019		
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>11.389.055</b>	<b>7.226.842</b>	<b>1.322.656</b>	<b>7.063.096</b>
<b>I</b>	<b>Ngân sách Trung ương</b>	<b>1.246.579</b>	<b>871.540</b>	<b>617.160</b>	<b>1.786.440</b>
1	Trái phiếu chính phủ	364.000	127.000		
2	Đầu tư phát triển	581.739	521.240	501.660	1.379.880
3	Sự nghiệp	300.840	223.300	115.500	406.560
<b>II</b>	<b>Ngân sách địa phương</b>	<b>4.830.811</b>	<b>3.487.330</b>	<b>250.000</b>	<b>1.379.880</b>
1	Tỉnh (gồm cả cơ chế xi măng)	1.569.703	1.368.000	60.000	500.000
2	Huyện (gồm cả cơ chế xi măng)	1.819.974	1.391.615	80.000	392.000
3	Xã (gồm cả cơ chế xi măng)	1.441.134	727.715	110.000	487.880
<b>III</b>	<b>Vốn lồng ghép</b>	<b>2.284.157</b>	<b>913.014</b>	<b>259.996</b>	<b>1.407.611</b>
<b>IV</b>	<b>Vốn doanh nghiệp, HTX</b>	<b>597.117</b>	<b>497.500</b>	<b>50.000</b>	<b>550.000</b>
<b>V</b>	<b>Vốn cộng đồng dân cư</b>	<b>2.430.391</b>	<b>1.457.458</b>	<b>145.500</b>	<b>1.939.165</b>
1	Tiền mặt (Tr. đồng)	2.430.391	1.457.458		
2	Ngày công lao động (Công)	610.000	315.000		
3	Hiện đất (ha)	334	184		
4	Nội dung khác (phá tường rào...)	214.000	139.000		

Ghi chú: Ngoài ra huy động nguồn vốn tín dụng phục vụ nông nghiệp nông thôn khoảng trên 27.000 tỷ đồng

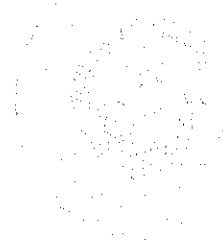



Biểu 02a

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2010-2019**  
 (Kèm theo Báo cáo 134/BC-BCĐ ngày 13/9/2019 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG)



TT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2010	31/12/2015	31/8/2019
1	Tổng số xã	Xã	203	203	203
2	Số tiêu chí đạt chuẩn bình quân/xã	Tiêu chí	7,2	12,7	15,5
3	Số xã đạt theo nhóm tiêu chí				
-	Số xã đạt 19 tiêu chí	Xã	0	34	100
-	Số xã đạt 15-18 tiêu chí	Xã	1	26	41
-	Số xã đạt 10-14 tiêu chí	Xã	27	104	52
-	Số xã đạt 5-9 tiêu chí	Xã	154	39	10
-	Số xã đạt dưới 5 tiêu chí	Xã	21	0	0
4	Số xã đạt theo từng tiêu chí				
-	Tiêu chí 1: Quy hoạch	Xã	19	203	203
-	Tiêu chí 2: Giao thông	Xã	1	48	152
-	Tiêu chí 3: Thủy lợi	Xã	24	78	152
-	Tiêu chí 4: Điện	Xã	157	192	200
-	Tiêu chí 5: Trường học	Xã	84	125	165
-	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa	Xã	0	39	101
-	Tiêu chí 7: CSHT thương mại nông thôn	Xã	26	107	184
-	Tiêu chí 8: Thông tin và truyền thông	Xã	158	199	199
-	Tiêu chí 9: Nhà ở dân cư	Xã	53	148	189
-	Tiêu chí 10: Thu nhập	Xã	26	137	158
-	Tiêu chí 11: Hộ nghèo	Xã	63	139	156
-	Tiêu chí 12: Lao động có việc làm	Xã	18	156	195
-	Tiêu chí 13: Tổ chức sản xuất	Xã	96	157	170
-	Tiêu chí 14: Giáo dục	Xã	92	176	194

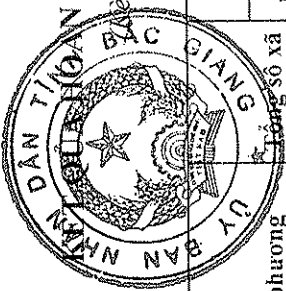




TT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2010	31/12/2015	31/8/2019
-	Tiêu chí 15: Văn hóa	Xã	161	171	193
-	Tiêu chí 16: Vệ sinh	Xã	83	114	158
-	Tiêu chí 17: Môi trường và ATTP	Xã	0	34	100
-	Tiêu chí 18: HTCT và tiếp cận pháp luật	Xã	122	162	170
-	Tiêu chí 19: An ninh quốc phòng	Xã	178	195	195
<b>5</b>	<b>Một số chỉ tiêu cơ bản</b>				
-	Thu nhập bình quân khu vực nông thôn/người/năm (Tr đồng/người/năm)	Tr đồng	12,5	22,5	38,0
-	Tỷ lệ hộ nghèo (theo từng giai đoạn)	%	19,61	13,93	7,29
-	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	59,7	73,0	98,5
-	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia	%	84,58	91,5	93,6



Biểu 02b



**BIỂU THÀNH NHÓM TIÊU CHÍ PHÂN THEO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ TỪ NĂM 2010-2019**  
 (Đem theo Báo cáo 134/BC-BCĐ ngày 13/9/2019 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG)

ĐVT: Xã

STT	Địa phương	Hàng số xã	Năm 2010						Đến 31/8/2019						BQ TC tăng từ 2010-2019
			Đạt 19 TC	Từ 15-18 TC	Từ 10-14 TC	Từ 5-9 TC	Dưới 5 TC	Bình quân TC	Đạt 19 TC	Từ 15-18 TC	Từ 10-14 TC	Từ 5-9 TC	Dưới 5 TC	Bình quân TC	
	<b>Toàn tỉnh</b>	203	0	1	27	154	21	7,2	100	41	52	10	0	15,5	8,3
1	Huyện Sơn Động	21	0	0	0	12	9	4,7	1	4	15	1		12,4	7,7
2	Huyện Lục Ngạn	29	0	0	3	25	1	5,4	4	7	14	4		13,1	7,7
3	Huyện Lục Nam	25	0	0	2	23	0	7,6	8	4	11	2		15,0	7,4
4	Huyện Yên Thế	19	0	0	0	12	7	5,6	5	5	6	3		13,6	8,0
5	Huyện Tân Yên	22	0	0	2	20	0	6,2	14	8				17,8	11,6
6	Huyện Việt Yên	17	0	0	5	12	0	7,6	17					19,0	11,4
7	Huyện Hiệp Hòa	24	0	0	0	23	1	7,1	12	12				17,0	9,9
8	Huyện Yên Dũng	19	0	0	3	16	0	6,2	12	1	6			16,9	10,7
9	Huyện Lạng Giang	21	0	1	9	8	3	7,0	21					19,0	12,0
10	TP. Bắc Giang	6	0	0	3	3	0	11,0	6					19,0	8,0





**PHÂN ĐẦU NĂM 2020 VÀ GIAI ĐOẠN 2021-2025**  
 (Kèm theo Báo cáo: 04/BC-BCĐ ngày 13/9/2019 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG)

STT	Nội dung đăng ký thực hiện	Đơn vị tính	Kết quả hết năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025
1	Huyện đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	Số huyện	2	1	2
2	Xã đạt chuẩn nông thôn mới				
-	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Số xã	114	19	34
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế)	%	56,2	65,5	82,3
3	Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang	Số xã	0	8	45
4	Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 5/6/2018	Số xã	0	1	21
5	Bình quân tiêu chí xây dựng nông thôn mới đạt được trên đơn vị xã (lũy kế)	Tiêu chí	15,5	16,2	18,0
6	Thôn đạt chuẩn nông thôn mới				
-	Thôn đạt chuẩn nông thôn mới theo Quyết định số 669/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang	Số thôn	130	19	
-	Thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang	Số thôn	9	42	

**Ghi chú:**

- Hết năm 2019: Huyện Việt Yên, Lạng Giang đạt huyện nông thôn mới
- Năm 2020: Huyện Tân Yên đạt huyện nông thôn mới
- Giai đoạn 2021-2025: Huyện Yên Dũng, Hiệp Hòa đạt huyện nông thôn mới
- Giai đoạn 2026-2030: Huyện Lục Nam, Yên Thế phấn đấu đạt huyện nông thôn mới

